

Số: **111/2022/QĐST-HNGĐ**

Quận H, ngày 10 tháng 3 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý 381/2021/TLST - HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2021 về việc ly hôn, giữa:

- Nguyên đơn: **Anh Trần Quốc H**; sinh năm 1987; HKTT và nơi cư trú: Số 2, ngách 40/64 V, phường T, quận H, thành phố H.

- Bị đơn: **Chị Nguyễn Thúy V**; sinh năm 1994; HKTT và nơi cư trú: Số 2, ngách 40/64 V, phường T, quận H, thành phố H.

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH4 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 3 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 3 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Trần Quốc H và chị Nguyễn Thúy V.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Quốc H và chị Nguyễn Thúy V cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được và cùng thuận tình

ly hôn.

2.2. Về con chung: Anh Trần Quốc H và chị Nguyễn Thúy V xác nhận có hai con chung là Trần Minh N, sinh ngày 17/4/2016 và Trần Nguyễn Gia L, sinh ngày 18/9/2018. Anh chị thỏa thuận, khi ly hôn anh H là người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu N; chị V là người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu L kể từ khi ly hôn cho đến khi hai con chung thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác về quyền nuôi con.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh H và chị V không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Sau khi ly hôn, anh H và chị V có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2.3. Về tài sản chung (gồm động sản và bất động sản): Anh H và chị V xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

2.4. Về vay nợ chung: Anh H và chị V xác nhận không vay nợ chung của ai và không cho ai vay nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

2.5. Về án phí: Anh chị thỏa thuận anh H tự nguyện chịu cả 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) anh đã nộp theo Biên lai số 0011563 ngày 15/6/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận H, thành phố H. Anh H được trả lại 150.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp,

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

*** Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- UBND phường T, quận H, H (số 55/2016 ngày 05/5/2016);
- VKSND quận H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(ĐÃ KÝ)

Lương Thị Thu H

